

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/DS-ST
Ngày: 25/11/2019
V/v “Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Phước Tâm**

Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 25/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 550/2019/TLST-DS ngày 06/9/2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2019/QĐST-DS ngày 07/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng c s x h V N;**

Địa chỉ: số 169 L Đ, phường H L, quận H M, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Q Th – chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Th Tr – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng C S X H huyện Cao Lãnh.

Bị đơn: **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp 3, xã B S, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Văn C, sinh năm 1964;

Lê Thị Tr, sinh năm 1990;

Lê Văn T, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã B S, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bà N, anh C, chị Tr và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 22/10/2019 nguyên đơn Ngân hàng c s x h V N (đại diện theo ủy quyền là chị Trần Th Tr) trình bày: Ngày 26/10/2007, bà N có vay vốn tại chi nhánh Ngân hàng c s x h V N – phòng giao dịch huyện Cao Lãnh số tiền 35.000.000đ thuộc chương trình cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay, theo khế ước số 6000005100080093, hạn trả nợ cuối là ngày 12/02/2019. Ngày 12/5/2016, bà N vay thêm 12.000.000đ thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, theo khế ước số 6600000707318724, hạn trả nợ cuối là ngày 12/5/2021. Trong quá trình vay, bà N không nộp lãi và trả nợ gốc đúng định kỳ ghi trong hồ sơ vay. Nay các khoản nợ nói trên đã quá hạn. Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương nhiều lần đôn đốc yêu cầu bà N trả nợ nhưng đến nay bà N vẫn không trả. Số tiền mà bà N còn nợ Ngân hàng là 57.741.913đ, trong đó dư nợ gốc khoản vay học sinh, sinh viên là 35.000.000đ, nợ lãi là 10.419.393đ, dư nợ gốc khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 12.000.000đ, nợ lãi là 322.520đ.

Nay Ngân hàng c s x h V N yêu cầu bà Nguyễn Thị N, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Tr và Lê Văn T phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 59.207.141đ, trong đó dư nợ gốc khoản vay học sinh, sinh viên là 35.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 11.563.167đ, dư nợ gốc khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 12.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 643.974đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo các khế ước đã ký kết với Ngân hàng c s x h V N cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Lê Văn C, chị Lê Thị Tr và anh Lê Văn T đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Các khế ước nhận nợ, giấy đề nghị vay vốn (photo đối chiếu);
- Quyết định ủy quyền (bản sao);
- Đơn xin xét xử vắng mặt và bản chi tiết tính lãi tiền vay (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Tr và anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay còn nợ là 59.207.141đ, trong đó dư nợ gốc khoản vay học sinh, sinh viên là 35.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 11.563.167đ, dư nợ gốc khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 12.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 643.974đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo các khế ước đã ký

kết với Ngân hàng c s x h V N cho đến khi thanh toán xong nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã B S, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Lê Văn C, Lê Thị Tr và Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Ngân hàng c s x h V N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Tr và anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay còn nợ là 59.207.141đ, trong đó dư nợ gốc khoản vay học sinh, sinh viên là 35.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 11.563.167đ, dư nợ gốc khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 12.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 643.974đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo các khế ước đã ký kết với Ngân hàng c s x h V N cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, bởi lẽ: Ngày 26/10/2007, bà N có ký vay số tiền 35.000.000đ của Ngân hàng c s x h V N theo khế ước số 6000005100080093 thuộc chương trình cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay. Ngày 12/5/2016, bà N có ký vay số tiền 12.000.000đ của Ngân hàng c s x h V N theo khế ước số 6600000707318724 thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Sau khi vay, bà N đã không nộp lãi và trả nợ gốc đúng định kỳ ghi trong hồ sơ vay, đến nay các khoản vay đã quá hạn. Ngân hàng c s x h V N đã nhiều lần yêu cầu bà N, anh C, chị Tr và anh T phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, cho đến nay bà N, anh C, chị Tr và anh T vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, Ngân hàng c s x h V N khởi kiện yêu cầu bà N, anh C, chị Tr và anh T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền tiền nợ gốc và lãi như đã nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng c s x h V N.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng c s x h V N về việc yêu cầu bà N, anh C, chị Tr và anh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay còn nợ là 59.207.141đ, trong đó dư nợ gốc khoản vay học sinh, sinh viên là 35.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 11.563.167đ, dư nợ gốc khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 12.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 25/11/2019 là 643.974đ nên bà N, anh C, chị Tr và anh T phải có nghĩa vụ liên đới chịu 2.960.200đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng c s x h V N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng c s x h V N về trả tiền vay và lãi.

- Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Tr và anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng c s x h V N tổng số tiền vay còn nợ là 59.207.141đ (năm mươi chín triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, một trăm bốn mươi mốt đồng), trong đó dư nợ gốc khoản vay học sinh, sinh viên là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), nợ lãi khoản vay tính đến ngày 25/11/2019 là 11.563.167đ (mười một triệu, năm trăm sáu mươi ba ngàn, một trăm sáu mươi bảy ngàn), dư nợ gốc khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), nợ lãi khoản vay tính đến ngày 25/11/2019 là 643.974đ (sáu trăm bốn mươi ba ngàn, chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 25/11/2019, bà Nguyễn Thị N, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Tr và anh Lê Văn T còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong khế ước nhận nợ số 6000005100080093 ngày 26/10/2007 và khế ước nhận nợ số 6600000707318724 ngày 12/5/2016.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N, anh Lê Văn C, chị Lê Thị Tr và anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ liên đới chịu 2.960.200đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng c s x h V N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang

